

BỘ Y TẾ
VỤ Y HỌC CỔ TRUYỀN

Cây
hoa
Cây
thuốc



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

BỘ Y TẾ
VỤ Y HỌC CỔ TRUYỀN

CÂY HOA
CÂY THUỐC

(Tái bản lần thứ 5 có sửa chữa)

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
HÀ NỘI – 2005

PHẦN CÂY THUỐC

Chủ biên:

TTUT. LY. DSCK_{II}. Nguyễn Đức Đoàn

Tham gia biên soạn:

DSCK_I. Lê Thị Cảnh Khuê

BSCK_I. Tô Văn Nại

LY. Nguyễn Đình Cẩm

PHẦN XOA BÓP - DAY ẤN

Tham gia biên soạn:

BSCK_{II}. Phạm Hưng Cung

BSCK_I. Tô Văn Nại

BSCK_I. Nguyễn Thị Thành

BSCK_I. Nguyễn Thị Ninh

BSCK _{II} . Phạm Đình Hoà

Hiệu đính:

TTUT. LY. DSCK_{II}. Nguyễn Đức Đoàn

BSCK_{II}. Tô Văn Sáng

CÙNG BẠN ĐỌC

(Tái bản lần thứ 5)

Cuốn sách "Hướng dẫn sử dụng cây thuốc gia đình - xoa bóp - day ấn tự chữa bệnh tại cộng đồng" ra đời đến nay đã qua 4 lần tái bản.

Cuốn sách ngày càng được đông đảo cán bộ và nhân dân tìm đọc và đã trở thành nhu cầu cần thiết đối với cộng đồng.

Tiếp thu ý kiến góp ý về nội dung cuốn sách và thể theo yêu cầu của các địa phương cùng đông đảo bạn đọc, Vụ Y học cổ truyền và Nhà xuất bản Y học tiếp tục cho tái bản lần thứ 5. Trong lần tái bản này chúng tôi in cuốn sách thành một bộ gồm 4 cuốn có nội dung riêng biệt, với tên gọi mới:

- 1. Cây hoa cây thuốc.**
- 2. Cây rau cây thuốc.**
- 3. Cây quả cây thuốc.**
- 4. Xoa bóp - Day ấn.**

Trong nội dung mỗi cuốn sách đều có kèm theo hình ảnh giới thiệu các: Cây, hoa, quả để bạn đọc dễ nhận dạng, tránh nhầm lẫn trong sử dụng. Các cuốn sách được in lần lượt trong cùng một thời gian để sớm giới thiệu với bạn đọc.

Hy vọng cuốn sách tiếp tục là cẩm nang trong bảo vệ sức khỏe của mọi gia đình và của cộng đồng.

Chúng tôi mong tiếp tục nhận được những ý kiến góp ý bổ sung của bạn đọc gần xa để lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

Hà Nội, tháng 5 năm 2005

Vụ trưởng Vụ Y học cổ truyền

BSCK_Đ.PHẠM HÙNG CÙNG

CÂY HOA CÂY THUỐC

(CÂY VỪA LÀM CẢNH VỪA LÀM THUỐC)

1. ACTISÔ

Cách trồng: Trồng bằng hạt nơi đất ẩm có nhiều mùn ở vùng núi nhiệt độ trung bình 15-25°C. Cũng có thể trồng ở vùng đồng bằng vào thời kỳ nhiệt độ trung bình từ 25-30°C.

Bộ phận dùng: toàn cây tươi hoặc khô.

Thu hái, chế biến: thu hái vào lúc cây sắp hoặc đang ra hoa, lá rọc bỏ sống, sấy hay phơi khô. Thân và rễ thái mỏng phơi khô hoặc nấu thành cao mềm.

Công dụng: thông tiểu tiện, thông mật.

Chữa viêm gan, vàng da, viêm thận, sưng khớp.

Liều dùng: Lá 20-50g/ngày.

Cao mềm 2-5g/ngày

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG

Bài 1.

Chữa viêm gan vàng da:

Lá Actisô khô hay tươi 20-50g.

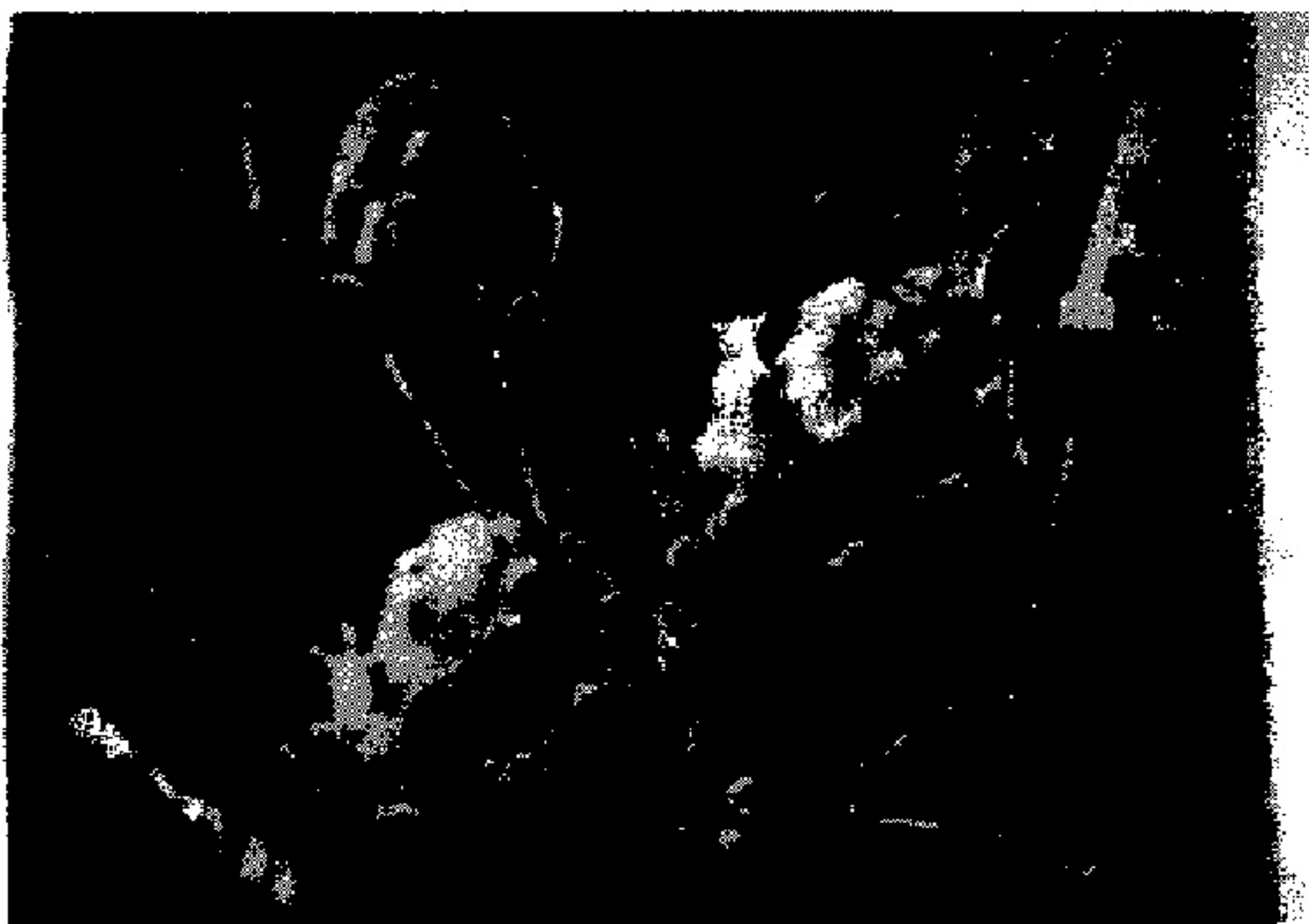
Hãm với 2 lít nước sôi uống thay nước trà hàng ngày.

Bài 2.

Chữa sưng khớp xương:

Cao mềm Actisô 2-5g.

Hoà vào 100ml nước sôi, chia 2 lần uống trong ngày.



Actisô

2. CAM THẢO DÂY

Tên khác: Dây chi chi - Dây cườm cườm - Tương tự đậu - Tương tự đẳng. Cam thảo nam - Cườm thảo.

Cách trồng: Trồng bằng hạt hay đoạn thân già vào mùa xuân bên hàng rào.

Bộ phận dùng: Cả dây và lá tươi hoặc khô.

Thu hái, chế biến: Mùa hạ vào ngày nắng ráo cắt dây bó lại từng bó phơi khô. Dây lá tươi thu hái quanh năm.

Công dụng: Dùng thay cam thảo Bắc trong các bài thuốc.

Liều dùng: 12g - 20g/ngày.



Cam thảo dây

3. CÚC HOA VÀNG

Tên khác: Kim cúc - Hoàng cúc - Cúc hoa vàng - Cam cúc hoa.

Cách trồng: Trồng bằng đoạn thân dài chừng 20cm, vào tháng 5-6.

Bộ phận dùng: Hoa tươi hoặc phơi khô.

Thu hái, chế biến: Tháng 9-11 thu hái lấy hoa, nếu ít thì chỉ việc đem phơi khô dùng. Nếu nhiều thì chế biến như sau: hái hoa về đem quây cốt sấy diêm sinh độ 2-3 giờ, hoa cúc chín mềm là được (nếu hoa còn sống sẽ hỏng). Đem nén độ một đêm thấy nước chảy ra đen là được (nén càng nặng càng tốt), đem phơi 3-4 nắng cho khô.

Công dụng: Chữa: Các chứng nhiệt đau đầu, đau mắt, mờ mắt, đau nhức lưng và chân tay, uống lâu đen tóc, tăng tuổi thọ.

Liều dùng: 10-16g/ngày

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG

Bài 1.

Chữa cảm mạo, ho sốt:

Lá dâu (tang diệp) 6g

Bạc hà 4g

Cúc hoa	6g
---------	----

Cam thảo dây	4g
--------------	----

Thêm 300ml nước, sắc lấy 100ml chia làm 3 lần uống trong ngày.

Bài 2.

Chữa huyết áp cao, nhức đầu, đau mắt, chảy nước mắt, râu tóc bạc sớm:

Cúc hoa	20g
---------	-----

Hạt muồng (Thảo quyết minh)	50g
-----------------------------	-----

Cam thảo dây	100g
--------------	------

Hạt muồng, cam thảo dây (băm nhỏ) sao thơm trộn với hoa cúc hãm nước sôi thay nước chè uống hàng ngày.



Cúc hoa vàng

4. DÀNH DÀNH

Tên khác: Chi tử - Sơn chi tử. Hồng chi tử - Thủy chi tử

Cách trồng: Vào mùa xuân đánh cành có lẫn gốc rễ đem trồng. Dành dành ưa nước nên trồng ở bên bờ ao, cạnh rãnh nước.

Bộ phận dùng: Quả chín phơi khô và lá tươi.

Thu hái, chế biến: Vào tháng 8-11 quả chín hái về bỏ cuống đem phơi khô. Khi dùng có thể để sống hoặc sao vàng hay sao đen.

Công dụng: Dùng chữa sốt cao vật vã, bí đái, đái ra máu; vàng da, chảy máu cam, viêm dạ dày, viêm màng tiếp hợp (đau mắt đỏ).

Liều dùng: 4-12g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG

Bài 1.

Chữa viêm gan, vàng da, vàng mắt:

Quả dành dành (chi tử) 12g

Nhân trần 24g

Thêm 600ml nước, sắc lấy 100ml chia uống 3 lần trong ngày (nếu không có Nhân trần thay bằng Bồ bồ cùng liều).

Bài 2.

Chữa viêm dạ dày:

Chỉ tử sao tồn tính 12g

Tán nhỏ chia uống 3 lần trong ngày, khi uống chiêu bằng nước gừng tươi pha loãng.

Bài 3.

Chữa đau mắt đỏ (viêm màng tiếp hợp) nhiều rỉ:

Lá dành dành tươi 50g

Rửa sạch bằng nước đun sôi để nguội giã nhỏ thêm vài hạt muối bọc vào miếng gạc đắp lên mắt khi ngủ. (Chú ý phải đảm bảo vệ sinh sạch sẽ).



Dành dành

5. DÂM BỤT

Tên khác: Bông búp - Xuyên cân bì. Râm bụt

Cách trồng: Trồng bằng cắm cành gốc có rễ, trồng vào mùa xuân nơi đất ẩm. Bộ phận dùng: Lá, hoa tươi và rễ.

Thu hái, chế biến: Thu hái quanh năm.

Công dụng: Làm mụn nhọt đỡ đau nhức và chóng vỡ mủ, sát khuẩn. Phụ nữ ra khí hư.

Liều dùng: 50-100g/ngày (dùng ngoài).

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG

Bài 1.

Chữa phụ nữ ra nhiều khí hư và rửa mụn nhọt:

Vỏ rễ dâm bụt 200g

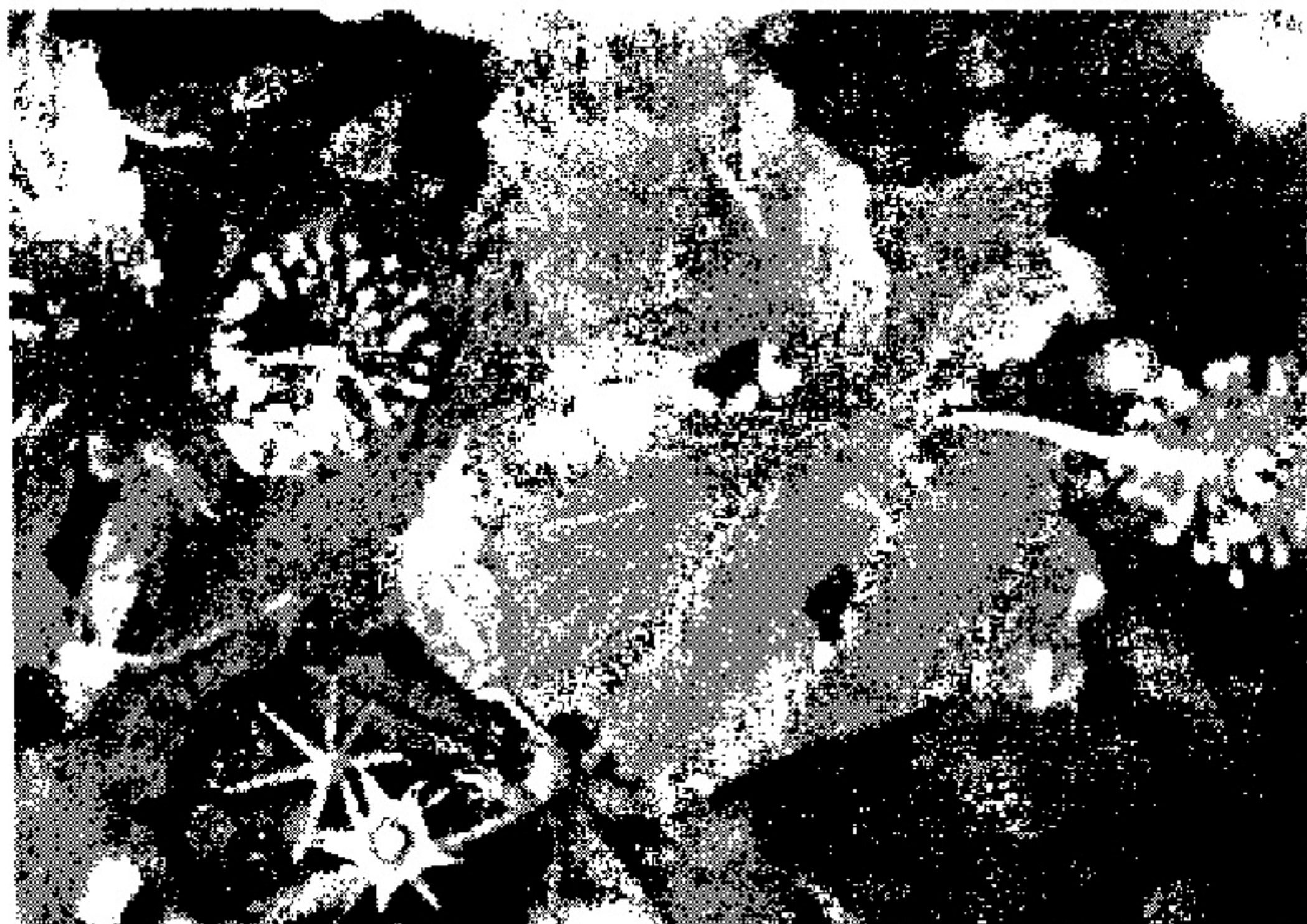
Thêm 3000ml nước đun sôi để ấm 37°C rửa âm hộ hoặc rửa các mụn nhọt đã vỡ mủ hàng ngày. Rửa đến khi khỏi thì thôi.

Bài 2.

Làm mụn nhọt đỡ đau nhức và chóng vỡ mủ:

Lá và hoa dâm bụt tươi 100g

Rửa sạch, giã nhỏ, thêm vài hạt muối đắp lên những mụn nhọt đang nung mủ, khô lại thay miếng khác. Khi nhọt vỡ mủ rồi dùng nước sắc vỏ rễ dâm bụt rửa.



Dâm bụt

6. DỪA CẠN

Tên khác: Trường xuân - Hoa Hải đăng - Bông dừa - Dương giác.

Cách trồng: Dừa cạn mọc hoang hoặc trồng khắp nơi trong nước, nơi đất pha cát ẩm, làm cảnh.

Bộ phận dùng: Toàn cây.

Thu hái, chế biến: Thu hoạch cây, lá và rễ quanh năm.

Công dụng: Lợi tiểu chữa huyết áp cao:

Liều dùng: 8-12g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG

Chữa huyết áp cao:

Dừa cạn (cả lá và thân) 12g

Cho vào 200ml, sắc còn 100ml, chia 2 lần uống trong ngày. Khi huyết áp trở lại bình thường thì thôi không dùng nữa.



Dừa cạn

7. ĐẠI

Tên khác: Cây hoa đại - Đại hoa trắng - Miến chi tử - Bông sứ trắng - Hoa chàm pa.

Cách trồng: Trồng bằng cành vào mùa xuân.

Bộ phận dùng: Vỏ thân, vỏ rễ, hoa, lá tươi.

Thu hái, chế biến: Chọn ngày nắng ráo hái lấy hoa và nụ phơi khô. Đeo vỏ thân và đào lấy rễ phơi khô.

Công dụng: Làm thuốc nhuận tràng, hạ huyết áp.

Chữa: bong gân, chấn thương xung huyết.

Liều dùng: Vỏ 8-10g/ngày.

Hoa: 20-30g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG

Bài 1.

Chữa huyết áp cao:

Hoa đại	30g
---------	-----

Cúc hoa	10g
---------	-----

Cả 2 vị phơi khô vò nát, trộn đều hãm với 1 lít nước chia nhiều lần uống trong ngày.

Bài 2.

Chữa táo bón, nhuận tràng:

Vỏ cây đại	10g
------------	-----

Sao vàng sắc với 500ml nước chia uống 2 lần trong ngày.

Bài 3.

Chữa bong gân, chấn thương xung huyết:

Lá cây đại tước 100-200g

Rửa sạch giã nhỏ đắp tại chỗ băng lại. Ngày 2 lần.



Cây hoa đại

8. ĐÌNH LĂNG

Tên khác: Cây gỏi cá - Nam dương sâm. Đình lăng lá nhỏ.

Cách trồng: Trồng bằng đoạn thân vào mùa xuân.

Bộ phận dùng: Lá và rễ.

Thu hái, chế biến: Lá tươi thu hái quanh năm.

Rễ chọn cây đã trồng được từ 3 năm trở lên. Vào mùa thu đào lấy rễ rửa sạch phơi khô.

Công dụng: Dùng làm thuốc: tăng sức khỏe, lợi sữa, thông tiểu tiện, viêm họng, giải khát.

Liều dùng: Rễ 3-5g/ngày hay hơn nữa.

Lá tươi 50 - 100g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG

Bài 1.

Thuốc chống khát, giải nhiệt:

Lá đình lăng	50g
Cam thảo dây	50g
Cúc hoa	1g

Lá đình lăng, cam thảo dây sao thơm trộn hoa cúc, hãm nước sôi uống thay nước chè hàng ngày.

Bài 2.

Chữa mệt mỏi:

Rễ đình lăng sao thơm	5g
Nước	100ml

Đun sôi 15 phút, chia 2-3 lần uống trong ngày.



Đinh lăng

9. HOA HOÈ

Tên khác: Hoè hoa - Hoè mễ.

Cách trồng: Gieo hạt hay dâm cành vào mùa xuân.

Bộ phận dùng: Nụ hoa sắp nở.

Thu hái, chế biến: Thu hoạch hoa vào tháng 7-9, chọn ngày nắng ráo nụ hoa sắp nở phơi khô.

Công dụng: Chữa: chảy máu cam, ly, trĩ ra máu, và các chứng chảy máu khác.

Chữa đau mắt đỏ, đề phòng đứt vỡ mạch máu trong bệnh huyết áp cao.

Liều dùng: 10-20g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

Chữa nhức đầu và để phòng đứt vỡ mạch máu trong bệnh huyết áp cao:

Hoa hoè sao thơm	10g
Hạt muồng (thảo quyết minh) sao đen	20g
Cúc hoa	5g

Hãm với nước sôi, thêm đường vừa đủ ngọt uống trong ngày thay nước chè.

Bài 2.

Chữa: trĩ chảy máu, chảy máu cam, tiểu tiện ra máu:

Hoa hoè sao thơm 20g

Hãm nước uống hàng ngày đến khi hết chảy máu.



Hoa hòe

10. HOA HỒNG BẠCH

Tên khác: Hoa hồng trắng. Bông hồng trắng - Hoa hường trắng - Bông hường trắng - Nguyệt quý hoa.

Cách trồng: Cắt đoạn thân bánh tẻ đâm vào nơi đất ẩm, nhiều màu, tơi xốp.

Bộ phận dùng: Cánh hoa tươi hay khô.

Thu hái, chế biến: Thu hái quanh năm, chọn ngày nắng ráo thu hái các cánh hoa phơi trong râm đến khô để dùng dần.

Công dụng: Sát khuẩn, trị ho, long đờm, an thần.

Liều dùng: 5-10g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

Chữa ho trẻ sơ sinh, viêm họng:

Cánh hoa hồng bạch	10g
--------------------	-----

Đường phèn	20g
------------	-----

Hấp cơm hay hấp cách thủy sôi 15 phút, cho trẻ uống nhiều lần trong ngày.

Chú ý: Nếu không có đường phèn có thể thay bằng đường kính.

Bài 2.

Chữa trẻ em ho, nhiều đờm khò khè:

Cánh hoa hồng bạch	10g
--------------------	-----

Quả quất chín	2-3 quả
---------------	---------

Đường phèn	20g
------------	-----

Hấp cơm hay hấp cách thủy sôi 15 phút, dầm nát quất trộn đều chia nhiều lần uống trong ngày.



Hoa hồng bạch

11. HOA NHÀI

Tên khác: Hoa nhài đơn - Hoa nhài kép - Mạt ly.

Cách trồng: Trồng bằng đoạn thân mang rễ vào nơi đất tơi, xốp ẩm.

Bộ phận dùng: Rễ và hoa.

Thu hái, chế biến: Sáng sớm khi hoa còn đọng sương, hái phơi khô trong râm. Rễ đào quanh năm nhưng tốt nhất vào mùa thu đông, rửa sạch phơi khô.

Công dụng: An thần, gây ngủ.

Chữa mất ngủ, giảm đau.

Liều dùng: Rễ khô: 12 - 20g/ngày

Rễ tươi: 40 - 60g/ngày

Hoa khô: 5-10g/ngày

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

An thần gây ngủ, chữa mất ngủ kéo dài:

Rễ hoa nhài	100-200g
-------------	----------

Rượu trắng 40 ⁰	1000ml.
----------------------------	---------

Rễ nhài rửa sạch băm nhỏ, ngâm với rượu trong 2 tuần. Ngày uống 10-20ml trước khi đi ngủ. Không dùng cho trẻ em.

Bài 2.

An thần, chữa nhức đầu, khó ngủ:

Hoa nhài 6g

Hoa cúc vàng 4g

Hãm với 500ml nước uống trong ngày thay nước chè.



Hoa nhài

12. HƯƠNG NHU

Tên khác: Hương nhu tía (É tía) - Hương nhu trắng (É lá lớn).

Cách trồng: Gieo hạt vào mùa xuân.

Bộ phận dùng: Cây, lá tươi hay khô.

Thu hái, chế biến: Lá tươi thu hái quanh năm hoặc trồng được 6 tháng thì cắt cây phơi trong râm đến khô.

Công dụng: Dùng chữa đau bụng ỉa chảy do ăn thức ăn lạnh, chữa sốt (sợ lạnh không ra mồ hôi, nhức đầu).

Liều dùng: 5-8g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

Chữa đau bụng ỉa chảy do ăn thức ăn lạnh hay cảm do nóng ẩm:

Hương nhu	8g
Hoắc hương	6g
Gừng tươi	4g

Thêm 300ml nước, sắc lấy 200ml chia làm 2 lần uống trong ngày, uống nóng.

Bài 2.

Chữa chứng hôi miệng:

Hương nhu 10g

Nước 200ml

Đun sôi 15 phút, ngâm và súc miệng hàng ngày.



Hương nhu

13. HUYẾT DỤ

Tên khác: Phất dụ - Thiết dụ. Long huyết

Cách trồng: Trồng bằng hạt hay đoạn thân.

Bộ phận dùng: Lá tươi hay khô.

Thu hái, chế biến: Thu hái những lá bánh tẻ quanh năm để tươi hay phơi khô.

Công dụng: Chữa rong huyết, thổ huyết, đái ra máu ho ra máu, trĩ ra máu.

Liều dùng: Lá tươi : 16-30g/ngày.

Lá khô: 8-16g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bái 1.

Chữa ho ra máu:

Lá huyết dụ	16g
-------------	-----

Lá trắc bá sao đen	16g
--------------------	-----

Thêm 400ml nước, sắc lấy 200ml chia 2-3 lần uống trong ngày.

Bài 2.

Chữa băng huyết, trĩ ra máu, đái ra máu:

Lá huyết dụ tươi	20g
------------------	-----

Nước	200ml
------	-------

Sắc lấy 100ml uống trong ngày.

Chú ý: Không nên dùng trước khi dễ hoặc dễ rồi vẫn còn sốt rau, vì làm cổ tử cung co lại gây nên khó đẻ, hoặc làm rau không bong sẽ tiếp tục chảy máu.



Huyết dụ

14. KIM ANH

Tên khác: Thích lê - Đường quân.

Cách trồng: Trồng bằng cách đâm cành vào mùa xuân.

Bộ phận dùng: Quả ương sắp chín.

Thu hái, chế biến: Hái quả vào các tháng 8-10 đem phơi khô cho se rồi cho vào thúng dùng gậy khuấy cho gãy hết gai đem bổ dọc loại bỏ hết hạt rồi phơi khô.

Công dụng: Chữa di, mộng và hoạt tinh; người già đi tiểu luôn; trẻ em đái dầm; phụ nữ nhiều khí hư; suy nhược thần kinh.

Liều dùng: 6-12g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

Chữa: di, mộng và hoạt tinh, phụ nữ ra nhiều khí hư:

Quả kim anh (kim anh tử) 200g

Củ sủng 200g

Cả 2 vị đem sao vàng tán nhỏ trộn với mật ong làm 40 viên tễ. Mỗi ngày uống 2 viên chia làm 2 lần.

Bài 2.

Chữa suy nhược thần kinh:

Quả kim anh (kim anh tử) 200g

Rượu trắng 40° 1000ml

Ngâm 4 tuần. Ngày uống 1-2 ly (30ml) chia làm 2 lần.



Kim anh

15. LỰU

Tên khác: Thừu lựu - Thạch lựu - Bạch lựu.

Cách trồng: Dâm cành vào mùa xuân.

Bộ phận dùng: Vỏ thân, cành, quả và rễ tươi hay khô.

Thu hái, chế biến: Dùng tươi, thu hái quanh năm.

Dùng khô: Vào mùa thu tách lấy vỏ thân và đào rễ tách lấy vỏ rửa sạch phơi khô. Khi dùng ngâm vào nước độ 2-3 giờ.

Công dụng: Làm thuốc chữa sán.

Liều dùng: 20-30g.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Chữa sán (không cần uống thuốc tẩy):

Vỏ rễ lựu	40g
Rễ chút chút	8g
Hạt cau khô	4g

Vỏ rễ lựu khô ngâm nước 3 giờ, thái nhỏ, cho thêm 500ml nước, sắc cùng với rễ chút chút, hạt cau, lấy 200ml. Đêm trước nhin đói, sáng sớm hôm sau uống nước sắc này, chia làm 2-3 lần. Khi uống thuốc cần nằm nghỉ. Đợi khi nào thật buồn đi ngoài thì đi. Khi đi ngoài cần đặt mông vào chậu nước ấm để sán ra hết.

Chú ý: Vỏ rễ lựu là 1 loại có độc, nên khi dùng phải hết sức thận trọng. Phụ nữ có thai và trẻ em không được dùng.



Lưu

16. MẠCH MÔN

Tên khác: Mạch môn đông - Lan tiên. Mạch đông - Duyên giới thảo

Cách trồng: Tách những dò mạch môn già đã hái hết củ, cắt bớt ngọn lá đâm vào nơi đất nhiều mùn, tưới xốp, nén chặt gốc.

Bộ phận dùng: Rễ củ phơi khô.

Thu hái, chế biến: Tháng 6-7 đào lấy củ già cắt bỏ rễ con, rửa sạch đất, phơi khô, tước bỏ lõi trước khi dùng.

Chỉ thu hoạch củ ở những cây đã trồng từ 2-3 năm trở lên.

Công dụng: Dùng chữa: ho long đờm, sốt khát nước, táo bón; làm thuốc lợi sữa, lợi tiểu.

Liều dùng: 12-20g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

Chữa ho long đờm:

Mạch môn	16g
Thiên môn	16g
Vỏ rễ dâu (tang bạch bì) tẩm mật sao	12g
Cam thảo dây	8g

Thêm 600ml nước, sắc lấy 200ml chia làm 2-3 lần uống trong ngày.

Bài 2.

Bài thuốc lợi sữa:

Mạch môn 20g

Gạo nếp 100g

Móng giò lợn (móng sừng) sao phồng 2-3 cái.

Nấu cháo ăn hàng ngày ăn tới khi sữa về nhiều thì thôi.



Mạch môn

17. NÁNG

Tên khác: Hoa nắng - Cây lá nắng - Văn thù lan - Chuối nước.

Cách trồng: Trồng bằng dò ở nơi đất ẩm.

Bộ phận dùng: Lá tươi.

Thu hái, chế biến: Hái lá quanh năm, khi dùng hơi nóng.

Công dụng: Bó và đắp lên những nơi bong gân, trật gân khi ngã, vào nơi đau nhức, khớp xương, tê mỏi bắp thịt.

Liều dùng: Dùng ngoài tùy ý.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Chữa bong gân, trật gân, đau nhức khớp xương, tê mỏi bắp thịt:

Lá nắng 1-2 lá.

Hơ lá nắng trên lửa cho nóng chín buộc vào nơi đau và bóp. Khi nguội lại hơ nóng và bóp tiếp. Ngày làm 2-3 lần.



Náng

18. PHÙ DUNG

Tên khác: Mộc liên - Địa phù dung - Mộc phù dung.

Cách trồng: Bằng đoạn thân dài 30-40cm đâm vào nơi đất tơi xốp, ẩm, đâm vào xuân.

Bộ phận dùng: Hoa và lá tươi.

Thu hái, chế biến: Thu hái lá và hoa quanh năm.

Công dụng: Trị mụn, nhọt.

Liều dùng: 30-50g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Chữa mụn nhọt:

Hoa, lá phù dung 50g.

Rửa sạch, giã nhỏ thêm vài hạt muối ăn, đắp lên mụn, nhọt mới mọc (làm tiêu mụn, nhọt) hoặc mụn nhọt đang nung mủ sẽ chóng vỡ mủ và đỡ đau - khô lại thay miếng thuốc khác, đắp 2-3 lần trong ngày.



Phù dung

19. SEN

Tên khác: Liên - Quỳ.

Cách trồng: Trồng bằng đoạn thân rễ trong bùn ao vào tháng 11-12.

Bộ phận dùng: Ngó sen, nhị sen, lá sen, gương sen, hạt sen, tâm sen, hoa sen.

Thu hái, chế biến: Thu hái vào các tháng 7-9.

Công dụng:

- Hạt sen (tươi hay khô) dùng làm thuốc kích thích tiêu hoá, thanh tâm (nhẹ tim), chữa: lỵ ỉa chảy do tỳ hư, thần kinh suy nhược, di mộng tinh, phụ nữ ra nhiều khí hư.
- Tâm sen chữa các chứng: tâm phiền tức ngực, đau nhói ở tim, khó chịu sốt nóng, mất ngủ, di mộng tinh.
- Gương sen chữa: tiểu tiện ra máu, phụ nữ đau bụng do ứ máu, rong huyết.
- Ngó sen chữa các chứng: nôn ra máu, chảy máu cam, đại tiện, tiểu tiện ra máu, lỵ, rong huyết, đái dầm, di tinh, hoạt tinh.
- Cánh hoa sen làm thuốc: cầm máu, an thần, đẹp nhan sắc.
- Nhị sen làm thuốc chữa: mất ngủ, hồi hộp, di mộng tinh.
- Lá sen chữa: phù thũng, nôn ra máu, lỵ ra máu, chảy máu cam, rong huyết.

Liều dùng: Lá sen khô	10-12g/ngày.
Hạt sen	12-20g/ngày.
Gương sen khô:	6-16g/ngày.
Tâm sen	6-8g/ngày
Ngó sen tươi	80-100g/ngày.
Ngó sen sao tẩm tẩm	10-20g/ngày.
Hoa sen tươi	15-25g/ngày.
Nhị sen	2-6g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

Thuốc bổ tỳ, mạnh tiêu hoá chữa trẻ em biếng ăn chậm lớn, bổ dưỡng người ốm mới khỏi, phụ nữ mới sinh:

Nhân hạt sen phơi khô	100g
Đậu ván trắng sao thơm	100g
Củ mài sao thơm	100g
Mâm lúa (Mâm mạ) phơi khô	30g
Trần bì sao thơm (vỏ quýt)	12g

Tất cả tán thành bột mịn, ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g, quấy đều vào cháo loãng, có thể cho thêm ít đường.

Bài 2.

Thuốc an thần chữa hồi hộp, mất ngủ:

Nhị sen khô	6g
-------------	----

Hãm với 500ml nước sôi, uống trong ngày, thay nước chè.

Bài 3.

Chữa thần kinh suy nhược, di mộng tinh; làm đẹp nhan sắc:

Cánh hoa sen	70g
Ngó sen	80g
Hạt sen	90g

Tất cả phơi khô trong râm mát, tán nhỏ mỗi ngày uống 2 lần (sáng, tối), mỗi lần 5g với 30ml rượu trắng 30^o hâm nóng.

Bài 4.

Chữa rong huyết cầm máu:

Gương sen	4 cái
Củ gấu (hương phụ)	80g

Sao cháy tồn tính, tán nhỏ ngày uống 10-20g chia làm 2-3 lần.



Sen

20. SÚNG

Tên khác: Củ súng. Kiểm thực nam - Thủy liên

Cách trồng: Trồng bằng thân rễ trong bùn ao vào tháng 11-12.

Bộ phận dùng: Thân rễ (củ) phơi khô.

Thu hái, chế biến: Thu hái thân rễ vào tháng 9-10 rửa sạch phơi khô, khi dùng tán nhỏ.

Công dụng: Chữa: Đau nhức, đau lưng, mỏi gối, tai ù, di mộng tinh, tiểu tiện không chủ động.

Liều dùng: 10-30g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

Chữa thần kinh suy nhược, di mộng tinh, hoạt tinh, viêm ruột mạn tính:

Củ súng	100g
---------	------

Quả kim anh	500g
-------------	------

Củ súng sao vàng ròn thơm, quả kim anh bỏ hết hạt, lông sao vàng ròn, cả 2 vị tán nhỏ, cho vào 500g mật ong đã đun sôi, trộn thành khối bột dẻo chia thành 100 viên. Ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 viên với nước nóng.

Bài 2.

Thuốc bổ thận, đen râu tóc:

Củ súng sao vàng thơm	200g
-----------------------	------

Cỏ nhọ nồi phơi khô trong dâm	500g
-------------------------------	------

Cả 2 tán bột mịn trộn đều, ngày uống 2 lần mỗi lần 2-3 thìa cà phê với nước cơm lúc đói hoặc với 30ml rượu ngọt (cũng có thể thêm mật ong và làm viên như bài 1).



Súng

21. SỬ QUÂN TỬ

Tên khác: Cây quả giun - Quả nắc.

Cách trồng: Trồng vào mùa xuân hoặc mùa thu. Trồng bằng hạt hoặc bằng cành.

Trồng bằng hạt: Chọn quả mập, chắc. Trước khi gieo ngâm nước nóng 45°C trong 1 ngày. Mỗi hốc gieo 2-3 quả. Cây con cao khoảng 15cm - 20cm đánh trồng vào nơi cố định.

Trồng bằng cành: Chọn những cành to khỏe cắt thành từng khúc dài 25cm - 30cm cắm nghiêng, đầu cành nhô khỏi mặt đất 3cm - 5cm.

Chú ý: Trồng sử quân tử không yêu cầu diện tích rộng, chỉ cần có chỗ dựa là phát triển được. Sử quân tử được trồng làm cảnh.

Bộ phận dùng: Nhân hạt.

Thu hái, chế biến: Thu hái quả chín, phơi hay sấy khô. Khi dùng đập lấy nhân cắt bỏ 2 đầu nhọn và bóc hết màng, sao ròn vàng thơm.

Công dụng: Chữa các chứng cam trẻ em, sát khuẩn, trị giun đũa.

Liều dùng: Trẻ em 3-5 nhân/ngày.

Người lớn 10 nhân/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

Thuốc cam giun:

Nhân sử quân	2 phần
Mâm mạp	1 phần
Đậu xanh	1/2 phần

Nhân sử quân cắt bỏ 2 đầu nhọn, bóc màng. Thóc tẻ, đậu xanh ngâm nảy mầm dài 3-5cm. Tất cả đem sấy khô hoặc sao vàng ròn ở nhiệt độ 50-60°C tán nhỏ. Trẻ em bị giun đũa bụng ỏng da vàng, gầy còm kém ăn, ăn không tiêu, miệng hay chảy nước dãi. Ngày ăn 1- 2 lần. Mỗi lần 1 thìa cà phê hoà với nước cháo hay mật ong. Chú ý ăn nhiều có thể nấc.

Bài 2.

Chữa đau nhức răng:

Sử quân tử (cả quả) đập nát 10 quả.

Cho 200ml nước, đun trong 15 phút. Ngâm trong ngày. Sau khi ngâm có thể nuốt nước này vừa khỏi đau răng vừa ra giun. Chú ý nuốt có thể có hiện tượng nấc.



Sử quân tử

22. THIÊN MÔN

Tên khác: Thiêm môn đông - Tóc tiên. Thiên đông

Cách trồng: Trồng bằng đoạn thân có rễ hay gieo hạt vào tháng 2-3.

Bộ phận dùng: Rễ củ.

Thu hái, chế biến: Tháng 9 - 10 đào lấy củ rửa sạch, đồ chín, bỏ lõi, thái mỏng phơi khô.

Công dụng: Chữa ho: ho ra máu, sốt nóng, tân dịch hao tổn, phiền khát, táo bón.

Liều dùng: 10-15g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

Chữa ho lâu ngày:

Thiên môn đông bỏ lõi	100g
Mạch môn đông bỏ lõi	100g
Vỏ rễ dâu tằm mật sao	50g
Ô mai	20g
Gừng tươi	20g

Thêm 2 lít nước, sắc chất lấy 300ml nước thuốc, thêm 500g đường kính, đun sôi cho tan hết đường, đóng vào chai dùng dần. Mỗi ngày uống 2-3 lần, mỗi lần 15ml.

Bài 2.

Chữa: ho sốt, viêm họng, loét mồm:

Thiên môn đông (bỏ lõi) 16g

Mạch môn đông (bỏ lõi) 16g

Sâm đại hành 16g

Thêm 300ml nước sắc lấy 100ml chia 2 lần uống trong ngày.



Thiên môn

23. THIÊN LÝ

Tên khác: Hoa thiên lý - Dạ lài hương - Cây hoa lý.

Cách trồng: Trồng bằng đoạn thân dài 0,8 - 1m, cuộn tròn, vùi chặt vào nơi đất xốp có nhiều mùn và làm giàn cho leo. Trồng vào mùa xuân tháng 2-3. Bộ phận dùng: Hoa, lá tươi.

Thu hái, chế biến: Thu hái quanh năm.

Công dụng: Dùng làm thuốc an thần, bổ, giải nhiệt, chữa trĩ, chữa sa dạ con.

Liều dùng: 100 - 150g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

Chữa: hồi hộp, khó ngủ, giải nhiệt:

Hoa thiên lý	100g
--------------	------

Nấu canh ăn trong ngày.

Bài 2.

Chữa: trĩ ngoại, phụ nữ mới bị sa dạ con (độ 1-2):

Lá thiên lý	100g
-------------	------

Muối ăn	5g
---------	----

Hái lá thiên lý tươi non và bánh tẻ rửa sạch, giã nhỏ thêm muối bọc trong miếng gạc sạch đắp vào búi trĩ hay dạ con sa đã được rửa sạch bằng nước thuốc tím hoặc nước muối ăn loãng.

Nên đắp trong khi ngủ, đắp liên tục đến khi búi trĩ
hay dạ con co lên thì thôi.



Thiên lý

24. TRẮC BÁ

Tên khác: Trắc bách - Trắc bách diệp.

Cách trồng: Trồng bằng hạt. Mùa xuân gieo hạt vào nơi đất ẩm có nhiều mùn.

Bộ phận dùng: Lá, cành nhỏ, hạt.

Thu hái, chế biến: Lá và cành nhỏ thu hái quanh năm, nhưng tốt nhất vào tháng 9, 11.

Hạt trắc bá hái vào mùa thu và mùa đông, phơi khô, sát bỏ vỏ ngoài lấy nhân phơi khô dùng dần.

Công dụng:

- Lá trắc bá dùng chữa: nôn ra máu, chảy máu cam, ly ra máu, đái ra máu, phụ nữ rong huyết.
- Nhân hạt trắc bá dùng chữa: hồi hộp, mất ngủ hay quên, người yếu hay ra mồ hôi, táo bón.

Liều dùng: Lá 8-16g/ngày.

Nhân hạt 5-12g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

Chữa ho ra máu, thổ huyết, rong huyết:

Lá trắc bách (trắc bách diệp) sao cháy đen	16g
Lá huyết dụ khô	16g
Gừng khô sao đen	6g
Nước	600ml

Sắc còn 200ml chia 2-3 lần uống trong ngày.

Bài 2.

Chữa chứng hồi hộp, mất ngủ, hay quên:

Nhân hạt trắc bá sao thơm 12g

Rễ hoa nhài sao qua 6g

Thêm 200ml, sắc lấy 100ml uống trước khi đi ngủ.



Trắc bá

25. TRẦU KHÔNG

Tên khác: Trầu - Trầu hương - Phù lưu đẳng - Mô lu (Kơ me) - Hsue êhang (Thượng) - Thước tượng - Thanh củ.

Cách trồng: Trồng bằng đoạn thân cho leo lên tường đầu hồi nhà vào các tháng 3-5.

Bộ phận dùng: Lá, rễ và thân.

Thu hái, chế biến: Lá tươi và thân thu hái quanh năm.

Rễ thân: Chọn những đoạn thân già và đào lấy rễ vào mùa thu. Rửa sạch phơi khô.

Công dụng: Dùng chữa: Lở loét, viêm chân răng có mủ, hôi mồm, tê thấp.

Liều dùng: 5-12g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

Chữa: viêm chân răng có mủ, hôi mồm:

Lá trầu không 1000g

Thái nhỏ cho thêm 2 lít nước đun sôi kỹ, gạn lấy dịch thuốc, cô đặc, dùng tăm bông chấm nước trầu không bôi vào lợi răng hàng ngày. Ngày bôi 3-4 lần.

Bài 2.

Chữa đau nhức mình mẩy:

Rễ, thân trầu không	16g
Rễ lá lốt	12g
Rễ gấc	12g

Thêm 300ml nước, sắc lấy 200ml chia làm 2 lần uống trong ngày.

Bài 3.

Chữa: Bệnh hăm bẹn, nách, cổ trẻ sơ sinh:

Lá trầu không	20-30g
Nước	2 lít

Cho lá trầu không thái nhỏ vào nước đun sôi 2 phút, để nguội, rửa cho bé.



Trầu không

26. TRƯỜNG SINH

Tên khác: Sổng đời - Diệp sinh căn - Cây lá bông. Lạc địa sinh căn.

Cách trồng: Trồng bằng lá, ngắt lá đâm xuống đất, nơi răng của của lá sẽ mọc lên một cây khác.

Bộ phận dùng: Lá tươi.

Thu hái, chế biến: Thu hái quanh năm.

Công dụng: Dùng chữa ho viêm họng, đắp lên các vết thương, làm mụn nhọt chóng lành.

Liều dùng: Tùy ý.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

Chữa: các vết thương chảy máu, mụn nhọt, bỏng nhẹ:

Dùng lá rửa sạch với nước muối, giã nhỏ đắp lên vết thương hay mụn nhọt.

Bài 2.

Chữa ho viêm họng:

Hái 3-4 lá rửa sạch, nhai với ít muối ăn, nuốt nước bọt, bỏ bã. Ngày nhai 4-5 lần.



Trường sinh

27. TRINH NỮ HOÀNG CUNG

Tên khác: Hoàng cung trinh nữ - Náng lá rộng - Tỏi
lời lá rộng.

Cách trồng: Trồng bằng dò của thân hành vào mùa
xuân, nơi đất tơi, xốp, ẩm. Từ thân hành đẻ ra rất
nhiều cây con, tách cây con ra trồng tiếp. Tháng 8,
tháng 9 ra hoa giống hoa loa kèn, cánh hoa màu trắng
phát hồng.

Bộ phận dùng:

Thân hành và lá tươi hoặc chế biến khô.

Thu hái và chế biến:

Lá tươi thu hái quanh năm. Cắt những lá đang độ
phát triển phơi hoặc sấy ở nhiệt độ 50°C đến khô.

Công dụng:

Trị nam giới phì đại tuyến tiền liệt và nữ giới u xơ tử
cung lành tính. (90% người bệnh phì đại tuyến tiền
liệt cải thiện mức độ tiểu tiện, giảm thể tích phì đại
33,3% kích thước tuyến tiền liệt trở lại bình thường).

Liều dùng: Tùy theo lá to hay lá nhỏ và sức khỏe của
từng người bệnh dùng 2 - 3 lá/ngày.

Bài thuốc ứng dụng:

Bài 1.

Chữa nam giới phì đại tuyến tiền liệt và nữ giới u xơ
tử cung lành tính:

Lá trinh nữ hoàng cung thái nhỏ 2 – 3 lá.

Sắc với 600ml nước lấy 100ml chia uống 2 lần trong ngày. Uống sau bữa ăn 1 giờ.

Uống 3 đợt. Mỗi đợt uống 5 – 7 ngày và nghỉ 7 ngày lại uống tiếp đợt khác.

Bài 2.

Chữa đau khớp và áp xe (abcès):

Củ (thân hành) trinh nữ hoàng cung tươi liều lượng tùy ý.

Rửa sạch, thái mỏng giã nát, sào nóng đắp vào nơi khớp đau hay abcès băng lại. Ngày thay thuốc 1 lần... Đắp tới khi hết đau thì thôi.

Ghi chú: Hiện nay Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương II đã bào chế ra dạng viên nang cứng, mỗi viên chứa 250mg cao khô Trinh nữ hoàng cung dùng trị phì đại tuyến tiền liệt lành tính với tên gọi: CRILA.

Ngày uống 8 viên chia làm 2 lần. Uống sau bữa ăn 1 giờ.



Trình nữ hoàng cung

28. VẠN NIÊN THANH

Tên khác: Co vo dinh (Thổ).

Cách trồng: Trồng bằng đoạn thân có mang rễ vào mùa xuân.

Bộ phận dùng: Thân và lá tươi.

Thu hái, chế biến: Thu hái quanh năm.

Công dụng: Chữa: ho viêm họng, mụn nhọt, rần rết cắn.

Liều dùng: 40-50g cây tươi.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

Chữa ho viêm họng:

Lá vạn niên thanh 50g

Thêm 300ml nước sắc lấy 100ml uống trong ngày.

Bài 2.

Chữa: rần rết cắn, mụn nhọt:

Lá vạn niên thanh (tùy ý) rửa sạch với nước muối già nhỏ đắp lên vết rần cắn hay mụn nhọt.



Vạn niên thanh

29. XẠ CAN

Tên khác: Cây rẽ quạt.

Cách trồng: Trồng bằng hạt hay bằng cách tách cây con vào mùa xuân.

Bộ phận dùng: Thân rẽ tươi hay khô.

Thu hái, chế biến: Vào mùa thu đào rẽ và thân rẽ cắt bỏ rẽ con rửa sạch phơi khô.

Công dụng: Dùng chữa: Viêm họng, vết hầu sưng đau, đờm nghẹn ở họng.

Liều dùng: Thân rẽ khô 3-6g/ngày.

Thân rẽ tươi 10-20g/ngày.

BÀI THUỐC ỨNG DỤNG:

Bài 1.

Trị viêm họng, vết hầu sưng đau, ho sốt:

Rễ xạ can	6g
Vỏ rẽ dâu tằm mật sao	12g
Rễ cỏ tranh	16g
Ô mai	6g
Củ sắn dây	12g
Cam thảo dây	16g

Thêm 500ml nước, sắc còn 200ml thêm một ít đường, uống dần dần sau bữa ăn và khi đi ngủ.

Bài 2.

Chữa rắn rết cắn:

Rễ xạ can tươi 10-20g

Nhai nhỏ với ít muối ăn, nuốt nước, bã đắp lên vết rắn cắn.



Xạ can

BẢNG TRA CỨU CÁC BÀI THUỐC ỨNG DỤNG

Trang

1. Bài thuốc chữa cảm sốt:

– Xem cây

+ Cúc hoa vàng 9

+ Hương nhu 29

2. Các bài thuốc chữa sốt khát nước, giải nhiệt, giải khát:

– Xem cây

+ Đinh lăng 21

+ Hoa thiên lý 54

3. Các bài thuốc chữa bí tiểu tiện (phù, đái dắt, đái vàng đỏ):

– Xem cây

+ Actisô 5

+ Huyết dụ 31

4. Các bài thuốc chữa giun sán:

– Xem cây

+ Lựu 35

+ Sủ quân tử 49

5. Các bài thuốc chữa ho:

– Xem cây

+ Hoa hồng bạch 25

+ Huyết dụ	31
+ Cam thảo dây	7
+ Mạch môn	37
+ Thiên môn	52
+ Trắc bá	56
+ Trường sinh	61
+ Vạn niên thanh	66
+ Xạ can	68

6. Các bài thuốc chữa trĩ:

– Xem cây	
+ Huyết dụ	31
+ Hoa hòe	23
+ Hoa thiên lý	54

7. Các bài thuốc chữa phụ nữ sa dạ con:

– Xem cây	
+ Hoa thiên lý	54

8. Các bài thuốc chữa mụn nhọt, lở ghẻ (tiêu độc), abcès:

– Xem cây	
+ Dâm bụt	15
+ Trường sinh	61
+ Vạn niên thanh	66
+ Phù dung	41
+ Trinh nữ hoàng cung.	63

9. Các bài thuốc chữa rắn rết, bọ cạp cắn

– Xem cây

+ Vạn niên thanh 66

+ Xạ can 68

10. Các bài thuốc chữa táo bón nhuận tràng

– Xem cây

+ Đại 19

11. Các bài thuốc chữa chảy máu cam

– Xem cây

+ Hoa hòe 23

12. Các bài thuốc chữa tê thấp, đau nhức xương, đau nhức bắp thịt (mình)

– Xem cây

+ Actisô 5

+ Trầu không 58

+ Trinh nữ hoàng cung 63

13. Các bài thuốc chữa cơ thể suy nhược, bổ dưỡng

– Xem cây

+ Đinh lăng 21

+ Kim anh 33

+ Sen 43

+ Súng 47

14. Các bài thuốc làm đẹp da (mịn màng, hồng hào, tươi nhuận)

– Xem cây

+ Sen 43

15. Các bài thuốc làm ra sữa

– Xem cây

+ Mạch môn 37

16. Các bài thuốc chữa phụ nữ rong huyết, cầm máu:

– Xem cây

+ Huyết dụ 31

+ Sen 43

+ Trắc bá 56

+ Trường sinh 61

17. Các bài thuốc chữa đau bụng, nôn mửa:

– Xem cây

+ Hương nhu 29

18. Các bài thuốc chữa mất ngủ:

– Xem cây

+ Hoa thiên lý 54

+ Hoa nhài 27

+ Sen 43

19. Các bài thuốc chữa huyết áp cao:

– Xem cây

+ Cúc hoa vàng	9
+ Dừa cạn	17
+ Đại	19
+ Hoa hòe	23

20. Các bài thuốc chữa râu, tóc bạc sớm:

– Xem cây	
+ Cúc hoa vàng	9
+ Súng	47

21. Các bài thuốc chữa phụ nữ khí hư ra nhiều:

– Xem cây	
+ Dâm bụt	15
+ Kim anh	33

22. các bài thuốc chữa viêm gan virus, vàng da:

– Xem cây	
+ Actisô	5
+ Dành dành	12

23. Các bài thuốc chữa bong gân, chấn thương, xung huyết:

– Xem cây	
+ Đại	19
+ Náng	39

24. Các bài thuốc chữa hôi miệng

– Xem cây	
+ Hương nhu	29

+ Trầu không	58
25. Các bài thuốc chữa di, hoạt, mộng tinh (thần kinh suy nhược):	
- Xem cây	
+ Kim anh	33
+ Sen	43
+ Súng	47
26. Các bài thuốc chữa viêm ruột mạn tính:	
- Xem cây	
+ Súng	47
27. Các bài thuốc trị phì đại tuyến tiền liệt lành tính:	
- Xem cây:	
+ Trinh nữ hoàng cung	63
28. Các bài thuốc chữa viêm chân răng có mủ:	
- Xem cây	
+ Sử quân tử	49
+ Trầu không	58
29. Các bài thuốc trị trẻ em sơ sinh hăm bẹn, hăm nách, hăm cổ:	
- Xem cây	
+ Trầu không	58
30. Các bài thuốc trị u xơ tử cung	
- Xem cây:	
+ Trinh nữ hoàng cung	63

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Cùng bạn đọc	3
Cây hoa cây thuốc	5
1. Actisô	5
2. Cam thảo dây	7
3. Cúc hoa vàng	9
4. Dành dành	12
5. Dâm bụt	15
6. Dừa cạn	17
7. Đại	19
8. Đinh lăng	21
9. Hoa hòe	23
10. Hoa hồng bạch	25
11. Hoa nhài	27
12. Hương nhu	29
13. Huyết dụ	31
14. Kim anh	33
15. Lựu	35
16. Mạch môn	37
17. Náng	39
18. Phù dung	41

19. Sen	43
20. Súng	47
21. Sử quân tử	49
22. Thiên môn	52
23. Thiên lý	54
24. Trắc bá	56
25. Trầu không	58
26. Trường sinh	61
27. Trinh nữ hoàng cung	63
28. Vạn niên thanh	66
29. Xạ can	68
30. Bảng tra cứu các bài thuốc ứng dụng	71

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

CÂY HOA - CÂY THUỐC

Chịu trách nhiệm xuất bản

HOÀNG TRỌNG QUANG

Biên tập: BS. NGUYỄN THỊ TỐT

Sửa bản in: BS. NGUYỄN THỊ TỐT

Trình bày bìa: CHU THUYỀN LINH

Kt vi tính: BÙI THỊ THƯƠNG

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19cm tại Xưởng in Nhà xuất bản Y học.
Giấy phép xuất bản số: 686-97/XB-QLXB ngày 6/02/2004.
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2005.

Tìm đọc:

- ❖ *Cây rau - Cây thuốc*
- ❖ *Cây quả - Cây thuốc*
- ❖ *Cây hoa chữa bệnh*
- ❖ *Cây thuốc gia đình*

¥017 206

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

Địa chỉ: 352 Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 04.7625934 - 7627819 - Fax: 84.4.7625923

E-mail: xuatbanyhoc@netnam.vn



MS $\frac{61 - 619}{\text{YH} - 2005}$ 97 - 2004

GIÁ: 12.000Đ